



LẬP TRÌNH KX-TD1232 CƠ BẢN BẰNG BÀN KEY

- **Bắt đầu vào lập trình hệ thống:**

(Để lập trình hệ thống thì bàn lập trình phải gắn vào Port 1)

Nhấn phím Program -> *#1234 -> "System No?" -> nhập mã lập trình theo hướng dẫn dưới đây:

Chú ý: Các lệnh sau đây tương đương với các phím trên bàn lập trình KXT7730 hoặc KXT 7030

- **Next:** tương đương với phím SP-Phone dùng để lật trang màn hình đi tới
- **Select:** tương đương với phím Auto Answer
- **Store:** Tương đương với phím Auto dial store
- **End:** Tương đương với phím Hold
- **FWD:** Dùng để di chuyển con trỏ đi tới
- **CONF:** Dùng để di chuyển con trỏ đi lui
- **Redial:** Dùng để lui trang màn hình trở lui

I. Ngày giờ hiện hành :

- Nhập **000** -> bấm **Next** (SP-Phone) -> **Year** (00-99) nhập hai số cho năm -> bấm **Select** (**Auto answer**: chọn từ Jan -> Dec) cho tháng -> **Day** (1 -> 31) nhập hai số cho ngày -> bấm **Select** (**Auto answer**: chọn Sun -> Sat) -> **Hour** (Bấm từ 1 -> 12) để chọn giờ -> **Minute** (Bấm từ 00 -> 99) để chọn phút -> bấm **Select** (**Auto answer**: AM/PM) để chọn AM/PM -> bấm **Store** (auto dial) để lưu -> bấm **End** (Hold) để kết thúc .

II. Đổi Password lập trình hệ thống:

- Nhập **107** -> bấm **Next** -> **Password** (**0000 – 9999**) nhập **Password** bốn số cần thay đổi (mặc định là **1234**) -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc .

III. Bàn giám sát DSS :

- Nhập **007** -> bấm **Next** -> **DSS Console No** (1->2) nhập 1 hoặc 2 để chọn bàn DSS1 hay DSS2 -> **Ext Jack No** (02-> 16) chọn jack đã gắn bàn DSS -> bấm **Store** -> bấm **end** kết thúc .

IV. Chế độ ngày đêm chuyển đổi tự động (Auto) hoặc nhân công (Man) :

- Nhập **101** -> bấm **Next** -> bấm **Select** để chọn **Auto** hay **Man** -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc .

V. Định thời gian làm việc ở chế độ ngày đêm :

- Nhập **102** -> bấm **Next** -> bấm **Next** (**Sun -> Sat**) để chọn thứ hoặc Prew-tương đương phím **Redial** (**sun -> sat**) hoặc "*" (**everyday**) chọn tất cả các ngày trong tuần -> bấm **Select** (**day / night**) chọn chế độ ngày, đêm -> **Hour** (1 -> 12) bấm từ 1->12 chọn giờ -> **Minute** (**00 -> 59**) nhập từ **00-59** chọn phút -> bấm **select** chọn AM hoặc PM -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc.

VI. Thay đổi số máy nhánh :

- Nhập **003** -> bấm **Next** -> **Ext jack No** (**01->24**) -> **Ext No** nhập số máy nhánh cần thay đổi -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc.

VII. Kết nối CO hoặc không kết nối CO:

- Nhập **400** -> bấm **Next** -> **outside line No** (**1..24/***) nhập 1->24 để chọn **C01-C024** hoặc "*" chọn tất cả **C0** -> bấm **Select** chọn **Connect** hoặc **No connect** -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc .

VIII. Chọn chế độ quay số cho CO line : chọn chế độ DTMF

- Nhập **402** -> bấm **Next** -> **Outside line No** (**1..24/***) nhập 1->24 chọn **C01->C024** hoặc "*" chọn tất cả
- **CO** -> bấm **Select** để chọn **DTMF** -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc.

IX. Xác lập máy đổ chuông ở chế độ ngày / đêm / trưa :

- **Chế độ ngày :** (theo thời gian trong chương trình 102)

- Nhập **407** -> bấm **Next** -> **Outside line No (1..24/*)** nhập **1-> 24** chọn **C01-> C024** hoặc bấm “*” để chọn tất cả **C0 -> Ext jack No (01..24/*)** nhập từ **01->24** chọn máy đổ chuông hoặc bấm “*” chọn tất cả máy nhánh đổ chuông -> bấm **Select** chọn **Enable / Disable-> bấm Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc.

▪ **Chế độ đêm** : (theo thời gian trong chương trình 007)

- Nhập **408** -> bấm **Next** -> **Outside line No (1..24/*)** nhập **1-> 24** chọn **C01-> C024** hoặc “*” chọn tất cả các **C0 -> Ext Jack No (01..24/*)** nhập **01->24** chọn máy đổ chuông hoặc bấm “*” chọn tất cả các máy đổ chuông -> bấm **Select** chọn **Enable/ Disable-> bấm Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc

X. Chế độ Delay chuông ở chế độ ngày / đêm :

▪ **Chế độ ngày tương ứng với chương trình 407**

- Nhập **603** -> bấm **Next** -> **Outside line No (1..24/*)** nhập **1-> 24** chọn **C01-> C024** hoặc bấm “*” chọn tất cả **C0 -> Ext Jack No (01..24/*)** nhập **01 ->24** chọn máy nhánh đổ chuông **Delay** -> bấm **Select** chọn **Disab,Immdt, 1RNG, 3RNG , 6RNG,NoRNG** -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc .

▪ **Chế độ đêm tương ứng với chương trình 408**

- Nhập **604** -> bấm **Next** -> **Outside line No (1..24/*)** nhập-> chọn **C01->C08** hoặc bấm * chọn tất cả **C0 -> Ext Jack No(01...24/*)** nhập **01->24** chọn máy nhánh đổ chuông **Delay** hoặc bấm * tất cả các máy nhánh đổ chuông **Delay** -> bấm **Select** chọn **Disab,Immdt, 1RNG, 3RNG , 6RNG , NoRNG** -> bấm **Store** để lưu-> bấm **End** kết thúc .

XI. Cấm Ext gọi ra trên đường CO :

- Nhập **6X (X=05,06)** -> bấm **next** -> **outside line no** nhập **1..6** chọn từ **CO 1..C06** hoặc bấm “*” chọn tất cả **C0 -> Ext Jack No** (chọn **ext jack** từ **1-> 96** hoặc “*” chọn tất cả) -> bấm **select** (**enable** chế độ cho phép chiếm cơ khi bấm số 9 gọi ra ngoài / **disable** chế độ không cho gọi ra ngoài) -> bấm **store** lưu -> bấm **end** kết thúc .
+ **X=05** ban ngày, **06** ban đêm

- Chọn **Enable** cho các **Ext** trên đường **CO** nếu cho máy **Ext** chiếm **CO** gọi ra ngoài . Nếu không cho thì chọn **Disable** .

XII. Hạn Chế cuộc gọi :

- Nhập **3X (X= 01-05)** -> bấm **next** -> **Code No (01-20** là nơi tạo mã cấm cho từng cos từ cos 1 -> cos 5) -> bấm **store** lưu -> bấm **end** kết thúc
+ **02** : Class 1
+ **03** : Class 2
+ **04** : Class 3
+ **05** : Class 4
+ **05**: Class 5
- Nhập **5X (X= 00..01)** -> bấm **next** -> **Ext jack No (01..24/*)** -> **cos No (Ext jack ở Cos 1** thì không bị giới hạn) -> **store**(lưu) -> **end**(kết thúc) .
+ **00** : cho ban ngày
+ **01** : cho ban

XIII. Gọi ra ngoài bằng Account code :

- Nhập **508** -> **next** -> **Ext jack No (01..96/*)** -> **select (Option/ Verify all / verify toll)** -> **store -> end** .
+ **Verify all** : ko tạo mã cấm nào trong chương trình (khi gọi ra ngoài là phải nhập **Account code**) .
+ **Verify toll** : Áp dụng từ class 3 -> **class 5** . khi đó đã tạo những mã cấm trong chương trình **303 -> 305** . Muốn gọi phải nhấn **account code** . những mã không cấm trong chương trình **303->305** không cần nhấn **account code** .
- Nhập **109-> next** -> **code No (01-96)** -> **account code (0->9)** -> **store** -> **end** .
- Tạo mã **Account** để khi gọi thì nhấn mã có 4 ký tự .(0000->9999)

XIV. Cài đặt kết nối card khi nâng cấp :

- Nhập 109 -> **next** ->nhập Areas 1:2:3 -> **Store** -> **end** .
- Areas 1:2:3= C (4 CO) / S2 (2 S0) / S6 (6 S0) / PR (1 PR I) / BD (4DID-Pulse/DTMF) / MD (4DID-MFC) / EM (4 E&M) / EL (1 E1) / E1 (8 EXT1) / E2 (8 EXT2) / A1 (16 SLT1) / A2 (16SLT2)

XV. Set cổng COM máy in RS232

- **Nhập 806-807 -> Next -> Select (CR + LF/CR) -> Store -> Next -> Select(1200/2400/ 4800 / 9600bps** tốc độ máy in phải giống với tốc độ của tổng đài) -> **store** -> **next** -> **select (7/8 bit)** -> **store** -> **next** -> **select (Mark/Space/ Even / all/ none)** -> **store** -> **next** -> **select (1 bit / 2bit)** -> **store** -> **end** .
 - + **Chọn mã đường line** : CR + LF/CR
 - + **Chọn tốc độ bit** : 1200/2400/9600/4800
 - + **Chọn độ dài ký tự** : 7/8 bit .
 - + **Chọn bit parity** : Mark/Space / even/ old/ None
 - + **Chọn bit stop** : 1 bit /2bit .

XVI. Thâu Disa

- **Để ghi âm lời chào Disa:** nhắc ống nghe 361 sau đó bấm tiếp số 1-4 (ghi âm được 4 lời chào – tùy thuộc), đọc lời chào , sau đó bấm store lưu lại, đặt tổ hợp xuống
- **Để nghe lại lời chào:** nhắc ống nghe bấm 362 sau đó bấm tiếp số 1-4 tùy thuộc vào mình thu lời chào

Mọi vấn đề thắc mắc liên quan đến sản phẩm, xin Quý khách hàng vui lòng gọi

- *Trung tâm chăm sóc khách hàng & bảo hành : 39955880*